TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 4 - ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **32**/2026/HNGĐ-ST
Ngày 07 - 4 - 2026
"V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Lê Đức Thọ

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Công Chi

Bà Nguyễn Thị Thanh Bình

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Tuyến - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4 - Đà Nẵng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Bà Phan Thị Thúy Hậu - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 4 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân nhân dân khu vực 4 - Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 336/2025/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 11 năm 2025 về việc *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 3 năm 2026, giữa:

- Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Hoàng Thùy T** – sinh năm 1988;
- Bị đơn: Ông **Hồ Hoàng Thiên P** – sinh năm 1986.

Cùng địa chỉ: Số E H, phường H, thành phố Đà Nẵng.

(Nguyên đơn và bị đơn có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Hoàng Thùy T trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Tôi và ông Hồ Hoàng Thiên P tự nguyện tìm hiểu, xác lập quan hệ hôn nhân có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng vào ngày 01/7/2013. Cuộc sống chung giữa chúng tôi không hạnh phúc, phát sinh nhiều mâu thuẫn từ cuối năm 2022, nguyên nhân vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung trong mọi vấn đề từ gia đình đến việc nuôi dạy con cái. Hiện nay hai vợ chồng sống ly thân, không quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Vì vậy, tôi nhận thấy không thể tiếp tục chung sống với ông Hồ Hoàng Thiên P được nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với ông P.

- Về con chung: Trong thời gian chung sống chúng tôi có 02 con chung là Hồ Phúc K (sinh ngày 22/02/2015) và Hồ Hạnh T1 (sinh ngày 02/01/2021). Ly hôn, tôi yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung đến khi con chung trưởng thành (đủ 18 tuổi), tôi không yêu cầu ông P cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung, nợ chung: Tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Theo bản tự khai, quá trình tố tụng và tại phiên tòa bị đơn ông Hồ Hoàng Thiên P trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Việc xác lập quan hệ hôn nhân giữa tôi và bà Nguyễn Hoàng Thùy T là tự nguyện và hợp pháp như bà T đã trình bày. Chúng tôi có phát sinh mâu thuẫn từ năm 2024, nguyên nhân do: Sau khi sinh con thứ hai, vợ tôi bị trầm cảm, dẫn đến hai vợ chồng bất đồng quan điểm chăm sóc và nuôi dạy con cái. Sau thời điểm này, do gánh nặng và áp lực nhiều hơn, sức khoẻ tôi suy giảm, mất ngủ triền miên nên nhiều khi tôi đã bị trầm cảm, trở nên cáu gắt, chưa quan tâm vợ con và đôi lúc cư xử thiếu tế nhị làm vợ tôi buồn phiền, dẫn đến vợ chồng không hiểu nhau. Bản thân vợ tôi bà T có quan hệ ngoài luồng với người khác. Vì vậy, tôi không đồng ý ly hôn, muốn đoàn tụ gia đình để cùng nuôi dạy con cái trưởng thành.

- Về con chung: Trong thời gian chung sống chúng tôi có 02 con chung là Hồ Phúc K (sinh ngày 22/02/2015) và Hồ Hạnh T1 (sinh ngày 02/01/2021). Trường hợp Toà án giải quyết ly hôn, tôi có nguyện vọng nuôi hai con chung đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi) và yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con chung là 1.500.000 đồng/tháng/con, 02 con là 3.000.000 đồng/tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Thời điểm cấp dưỡng từ khi có bản án của Toà án.

- Về tài sản chung, nợ chung: Tôi không yêu cầu tòa án giải quyết.

** Phát biểu của Kiểm sát viên:*

- Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

+ Từ khi thụ lý đến trước thời điểm mở phiên tòa: Thẩm phán, Thư ký Tòa án, nguyên đơn, bị đơn tuân thủ đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, nguyên đơn, bị đơn thực hiện đầy đủ, đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự;.

- *Phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:*

+ Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Hoàng Thùy T, xử cho bà T được ly hôn với ông Hồ Hoàng Thiên P.

+ Về con chung: Giao con Hồ Phúc K – sinh ngày 22/02/2015 cho ông Hồ Hoàng Thiên P trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu K đủ 18 tuổi và giao con Hồ Hạnh T1 – sinh ngày 02/01/2021 cho bà Nguyễn Hoàng Thùy T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu T1 đủ 18 tuổi.

Bà Nguyễn Hoàng Thùy T và ông Hồ Hoàng Thiên P không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

+ *Về tài sản chung, nợ chung:* Nguyên đơn và bị đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

+ Về án phí: Nguyên đơn bà Nguyễn Hoàng Thùy T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Tranh chấp ly hôn giữa bà Nguyễn Hoàng Thùy T và ông Hồ Hoàng Thiên P thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 4 - Đà Nẵng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Hoàng Thùy T và ông Hồ Hoàng Thiên P kết hôn năm 2013, có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện H (cũ) nay là phường L, thành phố Đà Nẵng *(Giấy CNKH số 70, ngày 01/7/20013)*. Hôn nhân giữa hai bên là hoàn toàn tự nguyện, trên cơ sở tình cảm. Đây là hôn nhân hợp pháp, đủ các điều kiện do Luật hôn nhân và gia đình quy định nên được pháp luật công nhận và bảo vệ. Theo lời trình bày của bà T, sau thời gian chung sống đến cuối năm 2022 thì giữa bà và ông P phát sinh nhiều mâu thuẫn trong đời sống hôn nhân. Nguyên nhân mâu thuẫn chủ yếu xuất phát từ bất đồng về quan điểm sống, không có tiếng nói chung trong mọi vấn đề từ việc gia đình đến việc nuôi dạy con cái dẫn đến cãi vã thường xuyên, áp lực tinh thần rất nặng nề. Bà T cho rằng mâu thuẫn giữa bà và ông P không hòa giải được, tình cảm vợ chồng không còn nên bà yêu cầu được ly hôn với ông P. Bị đơn ông Hồ Hoàng Thiên P thừa nhận giữa ông P và bà T có phát sinh mâu thuẫn từ năm 2024, nguyên nhân do hai vợ chồng bất đồng quan điểm chăm sóc và nuôi dạy con cái, do bản thân bị trầm cảm, trở nên cáu gắt, chưa quan tâm vợ con và đôi lúc cư xử thiếu tế nhị làm bà T buồn phiền, dẫn đến vợ chồng không hiểu nhau. Bản thân bà T có quan hệ ngoài luồng với người khác nên ông P không đồng ý ly hôn, muốn đoàn tụ gia đình để cùng nuôi dạy con cái trưởng thành. Tuy nhiên, ông P không có giải pháp cụ thể để khắc phục tình trạng mâu thuẫn của hai vợ chồng. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân giữa bà Nguyễn Hoàng Thùy T và ông Hồ Hoàng Thiên P đã thật sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt

được. Căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, có cơ sở để chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Hoàng Thùy T.

[2.2] Về con chung: Bà T và ông P xác nhận có 02 con chung Hồ Phúc K – sinh ngày 22/02/2015 và Hồ Hạnh T1 – sinh ngày 02/01/2021. Ly hôn, cả bà T và ông P đều có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng hai con, bà T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, còn ông P yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi 02 con mỗi tháng 3.000.000 đồng (mỗi con 1.500.000 đồng/tháng) cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Xét thấy, con Hồ Hạnh T1 – sinh ngày 02/01/2021 là con gái và còn nhỏ rất cần sự chăm sóc trực tiếp của mẹ nên xử giao cháu T1 cho bà T nuôi dưỡng là phù hợp; đối với con Hồ Phúc K – sinh ngày 22/02/2015 có bản khai xin được ở chung cả ba và mẹ, xét cháu K là con trai nên cần thiết xử giao cháu K cho ông P nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Về cấp dưỡng nuôi con, xét thấy Hội đồng xét xử giao cho bà T và ông P mỗi người nuôi 01 con nên không buộc các bên phải cấp dưỡng nuôi con là phù hợp.

[2.3] Về tài sản chung, nơ chung: Nguyên đơn và bị đơn không yêu cầu giải quyết nên tại bản án này không đề cập đến.

[2.4] Về án phí:

Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, bà Nguyễn Hoàng Thùy T phải chịu 300.000 đ.

[2.5] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4- Đà Nẵng tại phiên tòa là đúng quy định của pháp luật nên Tòa án chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân gia đình; Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Hoàng Thùy T về việc yêu cầu xin ly hôn với bị đơn ông Hồ Hoàng Thiên P, xử:

1. Về hôn nhân: Bà Nguyễn Hoàng Thùy T được ly hôn với ông Hồ Hoàng Thiên P.

2. Về con chung: Giao con Hồ Hạnh T1 – sinh ngày 02/01/2021 cho bà Nguyễn Hoàng Thùy T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu T1 đủ 18 tuổi; giao con Hồ Phúc K – sinh ngày 22/02/2015 cho ông Hồ Hoàng Thiên P trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu K đủ 18 tuổi.

Bà Nguyễn Hoàng Thùy T và ông Hồ Hoàng Thiên P không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền cản trở. Khi cần thiết, vì lợi ích của con chung các bên đương sự có quyền làm đơn xin thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không giải quyết.

4. Về án phí: Án phí Dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) bà Nguyễn Hoàng Thùy T phải chịu nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp tại biên lai thu số 0005547 ngày 14/11/2025 của Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng. Bà T đã nộp đủ án phí.

5. Đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

6. Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

7.Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND Khu vực 4 – Đà Nẵng;
- Phòng THADS Khu vực 4 – Đà Nẵng;
- UBND Phường Liên Chiểu(xã Hoà Ninh cũ)
(GCNKH số: 06 ngày 20/01/2009);
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Đức Thọ